

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HN-ST
Ngày: 04 - 5 - 2021
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

Bà Huỳnh Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, đường T, Phường M, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Hoàng Q, sinh năm 1993 - Văn phòng Luật sư Thanh L thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà B1, Khóm B2, Phường B3, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990 - Công ty Luật TNHH MTV Q chi nhánh V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T trình bày:

Bà T và ông Lê Thanh H đăng ký kết hôn ngày 27/9/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Bà T nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn ông H.

Con chung: Bà T và ông H có 01 con gái chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 28/01/2020. Sau khi sinh con xong, bà T cùng ông H chung sống tại gia đình ông H thuộc Phường B, thành phố V. Khoảng hơn 03 tháng sau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà T dọn ra ở riêng, con chung vẫn do ông H nuôi dưỡng. Khoảng đầu tháng 02/2021, sau sinh nhật lần thứ nhất của cháu Lê Thanh P, bà T đã mang cháu về nuôi dưỡng. Do đi làm tại thành phố V nên bà T gửi cháu P cho mẹ ruột của bà T (là bà ngoại cháu Lê Thanh P) nuôi dưỡng tại thành phố C là quê ngoại của bà T, khoảng 02-03 ngày thì bà T trở về thành phố C thăm con. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại Biên bản hòa giải ngày 15/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh H trình bày:

Ông H và bà T có đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Ông H đồng ý thuận tình ly hôn bà T.

Con chung: Ông H, bà T có 01 con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 28/01/2020. Khi bà T sinh con được khoảng 02 tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà T đã dọn ra sống riêng. Cháu Lê Thanh P vẫn do ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau thôi nôi cháu P, khoảng đầu tháng 02/2021, bà T mang cháu P đi và gửi mẹ ruột bà T nuôi dưỡng tại thành phố C. Việc bà T không trực tiếp nuôi con mà nhờ mẹ ruột nuôi thì ông H không đồng ý. Ông H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, giữ yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh P. Trường hợp, Hội đồng xét xử quyết định giao bà T nuôi dưỡng con chung thì bà T phải tạo điều kiện ông H được thăm nom con chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Mâu thuẫn giữa bà T, ông H phát sinh do cự cãi, đánh nhau thể hiện tại tài liệu, chứng cứ mà bà T đã giao nộp Tòa án được ông H thừa nhận. Ông H là nam giới nên không thuận lợi trong việc trông nom, chăm sóc con chung, tương lai còn có thể phát sinh hôn nhân mới sẽ không đảm bảo chăm sóc con chung. Ông H cũng trình bày nếu được quyền nuôi con sẽ nhờ một người em họ độ tuổi dưới 18 tuổi phụ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Điều này sẽ không đảm bảo điều kiện tốt nhất của việc nuôi dưỡng cháu P do người em họ chưa thành niên, chưa đủ hiểu biết, chưa đủ kinh nghiệm trong chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ nhỏ. Cháu P dưới 36 tháng tuổi, theo quy định pháp luật giao mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tài liệu, chứng cứ mà ông H cung cấp cho rằng bà T không chung thủy, sử dụng chất kích thích là các tin nhắn chụp lại từ facebook. Tuy nhiên, tin nhắn qua facebook với tên đặt của facebook có thể không thật, không đủ cơ sở khẳng định người dùng facebook đúng người thật ngoài đời. Nội dung các tin nhắn không đủ căn cứ khẳng định bà T không chung thủy và sử dụng chất kích thích như ông H trình bày. Cha mẹ ly hôn thì con là niềm an ủi lớn nhất của người vợ, người mẹ. Tại phiên tòa, ông H cũng trình bày đồng ý giao bà T nuôi dưỡng con chung với điều kiện bà T tạo điều kiện ông H thăm nom con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận ý kiến này của ông H và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến:

Nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất nhau về việc thuận tình ly hôn, tài sản chung và nợ chung là không có, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận các nội dung này. Riêng con chung thì cả nguyên đơn, bị đơn đều tranh chấp, đều yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, ý chí của ông H là trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc nuôi dưỡng con chung thì ông H mới đồng ý giao bà T nuôi dưỡng con chung với điều kiện được quyền thăm non con chung.

Mâu thuẫn vợ chồng của ông H, bà T phát sinh từ lúc bà T mang thai đã có tư tưởng không chung thủy. Khi cháu P được sinh ra 02 tháng tuổi thì bà T để con chung cho ông H nuôi dưỡng đến lúc thôi nôi. Ý thức của nguyên đơn đã thể hiện rõ sự không quan tâm nuôi dưỡng con. Các tin nhắn được ông H cung cấp thể hiện nội dung bà T vui chơi với bạn rất khuya, nhờ người khác chăm sóc con để vui chơi. Đây là các tin nhắn được chụp lại từ điện thoại di động của bà T. Chứng chỉ thẩm mỹ mà bà T giao nộp Tòa án đã có từ lâu và bà T không nộp được hợp đồng lao động thể hiện thu nhập của bà T. Ông H đủ các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đã thực hiện trong thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H về việc được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà T là người có quyền khởi kiện ông H tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông H phát sinh do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi. Tại phiên hòa giải, bà T, ông H cùng xác định không còn tình cảm với nhau, đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà T, ông H không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình cảm thương yêu, không mong muốn chung sống cùng nhau. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra được giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông H.

[3] Bà T, ông H xác định có 01 con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 28/01/2020. Lời trình bày của bà T, ông H thống nhất nhau là sau khi sinh con xong khoảng từ 02-03 tháng, bà T và ông H xảy ra mâu thuẫn nên bà T dọn ra ở riêng, con chung vẫn do ông H nuôi dưỡng. Đầu tháng 02/2021, bà T đã mang cháu P về nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con chưa thành niên có quyền sống chung với cha, mẹ; được cha, mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc. Cả bà T, ông H là cha và mẹ đều thể hiện sự thương yêu, chăm lo, bảo vệ con, đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con. Cháu P dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Tình cảm cha mẹ và con là tình cảm thiêng liêng, quý báu, gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống. Khi cha và mẹ chung sống không hạnh phúc dẫn đến ly hôn thì càng nên đảm bảo những điều tốt nhất cho con chung. Hoàn cảnh gia đình của mỗi cá nhân cần việc làm để sinh sống nhưng bản thân cha, mẹ phải thực hiện nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Công việc hiện nay của bà T làm thẩm mỹ nên bà T gửi cháu P cho mẹ ruột của bà T nuôi dưỡng tại thành phố C và bà T về thành phố C sống cùng mẹ, con gái. Như vậy, cháu P cũng đã sống cùng với mẹ từ đầu tháng 02/2021 đã ổn định nên tiếp tục giao mẹ nuôi dưỡng để ổn định về mặt tinh thần, tâm lý, cuộc sống cháu P. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm, ông H cũng trình bày đồng ý giao bà T nuôi dưỡng cháu P với điều kiện bà T tạo điều kiện ông H được thăm nom con chung. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà T, buộc ông H giao bà T

tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng con chung nên ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc bà T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận. Chưa đủ cơ sở chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 8, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T.

Bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T và ông Lê Thanh H ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Lê Thanh H giao bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T nuôi dưỡng một con chung tên Lê Thanh P, sinh ngày 28/01/2020. Ông Lê Thanh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung tên Lê Thanh P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0005984 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Nguyễn Đặng Huỳnh Phương T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 1;
 - Viện kiểm sát: 1;
 - Chi cục Thi hành án: 1;
 - UBND Phường B, TPVL: 1;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 27/9/2016)
- Đương sự: 2;
 - Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

